

DANH SÁCH TTHC LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (YT)
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND PHƯỜNG/XÃ

STT	MÃ THỦ TỤC	TÊN THỦ TỤC	LĨNH VỰC	TRA CỨU	GHI CHÚ
234	1.013822.H41	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội (YT)		
235	1.013821.H41	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội (YT)		
236	1.011494	Hỗ trợ kinh phí hàng tháng đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng thuộc hộ gia đình nghèo	Bảo trợ xã hội (YT)		
237	1.001731.000.00.00.H41	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội (YT)		
238	1.001653.000.00.00.H41	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội (YT)		
239	1.001699.000.00.00.H41	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội (YT)		
240	2.000355.000.00.00.H41	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội (YT)		

241	1.001776. 000.00.00 .H41	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội (YT)		
242	2.000282. 000.00.00 .H41	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội (YT)		
243	2.000477. 000.00.00 .H41	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội (YT)		
244	2.000286. 000.00.00 .H41	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội (YT)		